

3538
Số: /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại và
Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2021**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;

Căn cứ Thông tư số 33/2019/TT-BCT ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định hệ thống tiêu chí của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1939/QĐ-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 cho Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại và Trưởng Ban Thư ký Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các đề án thuộc Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại năm 2021

1. Các đề án thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm 2021 được phê duyệt theo Danh mục các đề án tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

2. Đơn vị chủ trì Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện hiệu quả các Đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và huy động phần đóng góp của doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành.

b) Hướng dẫn, tạo điều kiện, lựa chọn các doanh nghiệp có uy tín, có năng lực sản xuất, kinh doanh, xúc tiến thương mại thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia thực hiện Đề án.

c) Gửi công văn mời doanh nghiệp tham gia, đăng tải thư mời trên trang thông tin điện tử của Cục Xúc tiến thương mại - Bộ Công Thương, của Đơn vị chủ trì, của Sở Công Thương (đối với đơn vị chủ trì là cơ quan xúc tiến thương mại địa phương).

d) Đối với các Đề án thực hiện tại nước ngoài, Đơn vị chủ trì có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Tham tán thương mại Việt Nam tại nước sở tại để phối hợp và hỗ trợ trong việc tổ chức thực hiện Đề án tối thiểu mười lăm (15) ngày làm việc trước ngày diễn ra sự kiện.

đ) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án gửi về Văn phòng Ban Quản lý Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại (Cục Xúc tiến thương mại, địa chỉ: 20 Lý Thường Kiệt, Hà Nội) trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc sau khi hoàn thành Đề án kèm theo bản sao báo cáo kết quả của các doanh nghiệp tham gia.

e) Thực hiện quyết toán theo quy định tại Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định về tài chính liên quan.

3. Đơn vị tham gia Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm túc nội quy của Ban Tổ chức Chương trình và các quy định pháp luật.

b) Cử nhân sự phù hợp tham gia Chương trình, thông báo bằng văn bản tới đơn vị chủ trì và chịu toàn bộ trách nhiệm về nhân sự được cử tham gia đối với hoạt động xúc tiến thương mại tại nước ngoài.

c) Nộp báo cáo kết quả tham gia hoạt động.

Điều 2. Phê duyệt các đề án thuộc Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2021

1. Các đề án thuộc Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2021 được phê duyệt theo Danh mục các đề án tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

2. Đơn vị chủ trì Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện hiệu quả các Đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và huy động phần đóng góp của doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành.

b) Hướng dẫn, tạo điều kiện, lựa chọn các doanh nghiệp có uy tín, có năng lực sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia thực hiện Đề án.

c) Gửi công văn mời doanh nghiệp tham gia, đăng tải thư mời trên trang thông tin điện tử của Cục Xúc tiến thương mại - Bộ Công Thương, của Đơn vị chủ trì.

d) Đối với các Đề án thực hiện tại nước ngoài, Đơn vị chủ trì có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Tham tán thương mại Việt Nam tại nước sở tại để phối hợp và hỗ trợ trong việc tổ chức thực hiện Đề án tối thiểu mười lăm (15) ngày làm việc trước ngày diễn ra sự kiện.

đ) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án gửi về Ban Thư ký Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam (Cục Xúc tiến thương mại, địa chỉ: 20 Lý Thường Kiệt, Hà Nội) trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc sau khi hoàn thành Đề án kèm theo bản sao báo cáo kết quả của các doanh nghiệp tham gia.

e) Thực hiện quyết toán theo các quy định tại Quyết định số 30/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam và các quy định về tài chính liên quan.

3. Đơn vị tham gia Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam có trách nhiệm:

a) Thực hiện nghiêm túc nội quy của Ban Tổ chức Chương trình và các quy định pháp luật.

b) Cử nhân sự phù hợp tham gia thực hiện, thông báo bằng văn bản tới đơn vị chủ trì và chịu toàn bộ trách nhiệm về nhân sự được cử tham gia đối với hoạt động xúc tiến thương mại tại nước ngoài.

c) Nộp báo cáo kết quả tham gia hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Xúc tiến thương mại, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, Thủ trưởng các đơn vị chủ trì Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại năm 2021, Thủ trưởng các đơn vị chủ trì Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2021 và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Lãnh đạo Bộ;
- UBND các tỉnh/ thành phố;
- Sở Công Thương các tỉnh/ thành phố;
- Các Vụ: TC, TTTN;
- Lưu: VT, XTTM.



Đỗ Thắng Hải

Phụ lục I:**DANH MỤC ĐỀ ÁN PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH CẤP QUỐC GIA VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI NĂM 2021 - NỘI DUNG PHÁT TRIỂN NGOẠI THƯƠNG***(Kèm theo Quyết định số 3538/QĐ-BCT**ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

| STT | Nội dung hoạt động | Kinh phí phê duyệt (đồng) | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT) | Giai đoạn | Đơn vị chủ trì |
|---|--|---------------------------|-----------|--------------------------|-------------------------------------|-------------|--|
| Thông tin thương mại, cơ sở dữ liệu ngành hàng, thị trường | | | | | | | |
| 1 | Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường đối với mặt hàng cao su | 276.000.000 | Năm 2021 | Trong nước và nước ngoài | Điều 17 | | Hiệp hội Cao su Việt Nam |
| 2 | Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, thị trường đối với mặt hàng gạo | 114.000.000 | Năm 2021 | Trong nước và nước ngoài | Điều 17 | 2020 - 2022 | Hiệp hội Lương thực Việt Nam |
| 3 | Xây dựng và phát hành sản phẩm thông tin hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu tận dụng cơ hội của Hiệp định EVFTA | 400.000.000 | Năm 2021 | Việt Nam | Điều 17 | | LuatVietnam Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp với Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ) |
| Tuyên truyền quảng bá ngành hàng xuất khẩu | | | | | | | |
| 4 | Tổ chức Tuyên truyền, quảng bá ngành hàng cá tra của Việt Nam tại thị trường EU | 500.000.000 | Năm 2021 | Trong nước và nước ngoài | Điều 24 | 2020 - 2022 | Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam |
| 5 | Tổ chức Tuyên truyền quảng bá cho ngành hàng thủ công mỹ nghệ của Việt Nam sang thị trường Châu Âu | 600.000.000 | Năm 2021 | Trong nước và nước ngoài | Điều 24 | | Hiệp hội Xuất khẩu hàng Thủ công mỹ nghệ Việt Nam |

| STT | Nội dung hoạt động | Kinh phí phê duyệt (đồng) | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT) | Giai đoạn | Đơn vị chủ trì |
|---|---|---------------------------|-------------------|--------------------------|-------------------------------------|-------------|---------------------------------|
| 6 | Tổ chức Tuyên truyền, quảng bá ngành hàng đồ gỗ Việt Nam ra thị trường nước ngoài | 500.000.000 | Năm 2021 | Trong nước và nước ngoài | Điều 24 | 2019 - 2022 | Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam |
| 7 | Tuyên truyền, quảng bá chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể Việt Nam ra thị trường nước ngoài | 5.806.900.000 | Năm 2021 | Việt Nam | Điều 24 | 2020-2022 | Cục Xúc tiến thương mại |
| 8 | Tuyên truyền, quảng bá ngành hàng thực phẩm Việt Nam ra thị trường nước ngoài | 1.500.000.000 | Năm 2021 | Việt Nam | Điều 24 | 2020-2022 | Cục Xúc tiến thương mại |
| Tư vấn, đào tạo nâng cao năng lực xúc tiến thương mại phát triển xuất khẩu | | | | | | | |
| 9 | Đào tạo Thiết kế kỹ thuật 3D trong ngành may mặc thời trang | 250.000.000 | Tháng 6 - Tháng 8 | Hà Nội / TP. Hồ Chí Minh | Điều 22 | | Hiệp hội Dệt may Việt Nam |
| 10 | Tập huấn nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, quảng bá hình ảnh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (02 lớp) | 180.000.000 | Quý III, IV | Việt Nam | Điều 26 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 11 | Đào tạo nâng cao năng lực thiết kế (03 lớp) | 320.000.000 | Năm 2021 | Việt Nam | Điều 26 | | Cục Xúc tiến thương mại |

| STT | Nội dung hoạt động | Kinh phí phê duyệt (đồng) | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT) | Giai đoạn | Đơn vị chủ trì |
|---|--|---------------------------|-----------|------------------|-------------------------------------|-----------|--|
| 12 | Đào tạo nâng cao kỹ năng quản trị và xúc tiến thương mại ứng dụng công nghệ thông tin trong bối cảnh mới (02 lớp) | 160.000.000 | Năm 2021 | Khu vực phía Nam | Điều 26 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 13 | Đào tạo kỹ năng xúc tiến xuất khẩu cho các doanh nghiệp nông sản, thực phẩm Việt Nam (3 lớp) | 270.000.000 | Năm 2021 | Việt Nam | Điều 26 | | Hiệp hội Hội chợ triển lãm thương mại và Hội nghị Việt Nam |
| Hội nghị quốc tế, kết nối giao thương giữa doanh nghiệp Việt Nam và nhà nhập khẩu nước ngoài | | | | | | | |
| 14 | Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành cao su, kết hợp tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng | 500.000.000 | Năm 2021 | Việt Nam | Điều 12 | | Hiệp hội Cao su Việt Nam |
| 15 | Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành hàng thực phẩm Việt Nam, kết hợp tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng | 628.000.000 | Tháng 11 | TP. Hồ Chí Minh | Điều 12 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 16 | Tổ chức Hội nghị Quốc tế FIATA Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2021 | 500.000.000 | Năm 2021 | Đà Nẵng | Điều 16 | | Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam |
| 17 | Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Pháp | 450.000.000 | Quý IV | Pháp | Điều 10 | | Hiệp hội Chè Việt Nam |

| STT | Nội dung hoạt động | Kinh phí phê duyệt (đồng) | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT) | Giai đoạn | Đơn vị chủ trì |
|-----|--|---------------------------|-------------|-----------------------------|-------------------------------------|-----------|---|
| 18 | Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Anh và Scotland | 600.000.000 | Năm 2021 | Anh, Scotland | Điều 10 | | Hiệp hội Điều Việt Nam |
| 19 | Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại thị trường Philippines | 382.000.000 | Quý III | Philippines | Điều 10 | | Hiệp hội Lương thực Việt Nam |
| 20 | Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại thị trường Trung Quốc kết hợp tham dự Hội chợ Sial Trung Quốc 2021 | 400.000.000 | Năm 2021 | Trung Quốc | Điều 10 | | Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam |
| 21 | Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Trung Quốc | 700.000.000 | Quý II | Trung Quốc | Điều 10 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 22 | Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Canada | 1.080.000.000 | Quý II, III | Canada | Điều 10 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 23 | Tổ chức Đoàn giao thương sang Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cho các doanh nghiệp khu vực Bắc Trung Bộ | 400.000.000 | Quý III | Lào | Điều 10 | | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa |
| 24 | Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Cộng hòa Séc và Liên bang Nga | 1.080.000.000 | Quý II, III | Cộng hòa Séc, Liên bang Nga | Điều 10 | | Cục Xúc tiến thương mại |

LuaVietnam

| STT | Nội dung hoạt động | Kinh phí phê duyệt (đồng) | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT) | Giai đoạn | Đơn vị chủ trì |
|-----|--|---------------------------|-------------|----------------------------|-------------------------------------|-----------|--|
| 25 | Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Hoa Kỳ | 1.200.000.000 | Quý III | Hoa Kỳ | Điều 10 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 26 | Tổ chức Đoàn giao thương, nghiên cứu thị trường Logistics tại Đức | 720.000.000 | Năm 2021 | Đức | Điều 10 | | Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp với Cục Xuất nhập khẩu) |
| 27 | Tổ chức Đoàn giao thương, xúc tiến thương mại tại UAE và Mô-dăm-bích | 1.080.000.000 | Quý IV | UAE, Mô-dăm-bích | Điều 10 | | Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp với Vụ Thị trường Châu Á - Châu Phi) |
| 28 | Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa nông sản và thực phẩm sang thị trường Phi-líp-pin và In-đô-nê-xi-a | 720.000.000 | Quý II, III | Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a | Điều 10 | | Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp với Vụ Thị trường Châu Á - Châu Phi) |
| 29 | Tổ chức Đoàn Giao dịch thương mại tại thị trường Úc | 1.080.000.000 | Tháng 9 | Úc | Điều 10 | | Trung tâm Xúc tiến thương mại nông nghiệp |
| 30 | Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Myanmar | 620.000.000 | Quý II, III | Myanmar | Điều 10 | | Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam |
| 31 | Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Campuchia | 600.000.000 | Quý IV | Campuchia | Điều 10 | | Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam |
| 32 | Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại thị trường New Zealand và Úc | 1.080.000.000 | Quý III, IV | NewZealand, Úc | Điều 10 | | Hiệp hội phát triển hàng tiêu dùng Việt Nam |

| STT | Nội dung hoạt động | Kinh phí phê duyệt (đồng) | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT) | Giai đoạn | Đơn vị chủ trì |
|-----|---|---------------------------|-----------|------------------|-------------------------------------|-------------|---|
| 33 | Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại thị trường Da Giầy tại Canada và Mexico | 600.000.000 | Quý III | Canada và Mexico | Điều 10 | 2021-2023 | Hiệp hội Da - Giầy - Túi xách Việt Nam |
| 34 | Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành cà phê tại Việt Nam và tổ chức đoàn các nhà nhập khẩu nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng | 400.000.000 | Tháng 12 | Hà Nội | Điều 11 | 2020 - 2022 | Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam |
| 35 | Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành điều tại Việt Nam và tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng | 500.000.000 | Năm 2021 | TP. Hồ Chí Minh | Điều 11 | | Hiệp hội Điều Việt Nam |
| 36 | Tổ chức Đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam để giao dịch mua hàng | 500.000.000 | Quý III | TP. Hồ Chí Minh | Điều 11 | | Hiệp hội Xuất khẩu hàng Thủ công mỹ nghệ Việt Nam |
| 37 | Tổ chức Đón đoàn doanh nghiệp nhập khẩu nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng | 350.000.000 | Quý III | Tây Ninh | Điều 11 | | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Tây Ninh |
| 38 | Tổ chức Đoàn các nhà nhập khẩu nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng | 400.000.000 | Quý IV | Cần Thơ | Điều 11 | | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ |

LuatVietnam

| STT | Nội dung hoạt động | Kinh phí phê duyệt (đồng) | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT) | Giai đoạn | Đơn vị chủ trì |
|-----|---|---------------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-----------|---|
| 39 | Tổ chức Chương trình giao thương với các đối tác nước ngoài tiềm năng tại Việt Nam nhằm thúc đẩy xuất khẩu phần mềm (Business Fair) | 500.000.000 | Quý IV | TP. Hồ Chí Minh/ Hà Nội/ Đà Nẵng | Điều 11 | | Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam |
| 40 | Tổ chức Đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng | 450.000.000 | Quý III | TP. Hồ Chí Minh/ Hà Nội | Điều 11 | 2021-2023 | Hiệp hội Da - Giày - Túi xách Việt Nam |
| 41 | Tổ chức Đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng | 400.000.000 | Quý IV | Gia Lai | Điều 11 | | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai |
| 42 | Tổ chức Đoàn giao thương giữa doanh nghiệp Lào, Thái Lan với doanh nghiệp các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ | 300.000.000 | Quý II, III | Nghệ An | Điều 11 | | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Nghệ An |
| 43 | Tổ chức Đoàn doanh nghiệp nhập khẩu nông sản, trái cây và thủy sản Trung Quốc vào Việt Nam giao dịch mua hàng | 300.000.000 | Quý III | Lào Cai | Điều 11 | | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Lào Cai |
| 44 | Tổ chức Đoàn doanh nghiệp Lào vào Việt Nam giao dịch mua hàng | 500.000.000 | Quý III | Hà Nội/ một tỉnh biên giới giáp Lào | Điều 11 | 2021 | Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp với Văn phòng Bộ) |

| STT | Nội dung hoạt động | Kinh phí phê duyệt (đồng) | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT) | Giai đoạn | Đơn vị chủ trì |
|--|---|---------------------------|-----------|-----------------|---|-----------|---|
| 45 | Tổ chức Hội nghị quốc tế về ứng dụng công nghệ thông tin và đẩy mạnh chuyển đổi số trong xúc tiến xuất khẩu, kết hợp tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài giao thương dịch vụ nền tảng số hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu | 500.000.000 | Quý III | TP. Hồ Chí Minh | Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 40/2020/TT-BCT (*) | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 46 | Hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam giao dịch với nhà nhập khẩu nước ngoài trên môi trường mạng | 1.000.000.000 | Năm 2021 | Việt Nam | Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 40/2020/TT-BCT (*) | | Cục Xúc tiến thương mại |
| Kết nối giao thương giữa nhà cung ứng với các doanh nghiệp xuất khẩu, tổ chức XTTM tại Việt Nam | | | | | | | |
| 47 | Tổ chức Hội nghị kết nối giao thương giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại khu vực miền Trung - Tây Nguyên | 600.000.000 | Quý III | Việt Nam | Điều 13 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 48 | Tổ chức Hội nghị kết nối giao thương giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại | 260.000.000 | Quý IV | Yên Bái | Điều 13 | | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Yên Bái |

LuatVietnam

| STT | Nội dung hoạt động | Kinh phí phê duyệt (đồng) | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT) | Giai đoạn | Đơn vị chủ trì |
|-----|---|---------------------------|-------------|---------------------------------------|-------------------------------------|-----------|-------------------------|
| 49 | Tổ chức Chương trình kết nối giao thương giữa nhà cung cấp khu vực phía Bắc với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại | 2.850.000.000 | Năm 2021 | Hà Nội/ một tỉnh phía Bắc | Điều 13 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 50 | Tổ chức kết nối giao thương giữa nhà cung cấp sản phẩm đặc sản Tây Bắc với các doanh nghiệp xuất khẩu, tổ chức xúc tiến thương mại | 3.500.000.000 | Quý III, IV | Hà Nội/ một tỉnh Tây Bắc | Điều 13 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 51 | Tổ chức kết nối giao thương giữa nhà cung cấp sản phẩm đặc sản Đông Bắc với các doanh nghiệp xuất khẩu, tổ chức xúc tiến thương mại | 3.500.000.000 | Quý II, III | Hà Nội/ một tỉnh Đông Bắc | Điều 13 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 52 | Tổ chức kết nối giao thương giữa nhà cung cấp sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu khu vực Đông Nam Bộ với các doanh nghiệp xuất khẩu, tổ chức xúc tiến thương mại | 3.500.000.000 | Quý II, III | Tp. Hồ Chí Minh/ một tỉnh Đông Nam Bộ | Điều 13 | | Cục Xúc tiến thương mại |

| STT | Nội dung hoạt động | Kinh phí phê duyệt (đồng) | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT) | Giai đoạn | Đơn vị chủ trì |
|---|--|---------------------------|-------------|--|---|-------------|---|
| 53 | Tổ chức Chương trình kết nối giao thương giữa nhà cung cấp sản phẩm nông, thủy sản, thực phẩm vùng Đồng bằng Sông Cửu Long với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại | 3.500.000.000 | Quý IV | Tp. Hồ Chí Minh/Kiên Giang/ một tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long | Điều 13 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| Xúc tiến thương mại thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử | | | | | | | LuatVietnam |
| 54 | Tổ chức trưng bày, giới thiệu và xuất khẩu hàng hóa qua gian hàng chung trên Alibaba.com (giai đoạn 2) | 2.270.000.000 | Năm 2021 | Trực tuyến | Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 40/2020/TT-BCT (**) | | Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam |
| 55 | Tổ chức trưng bày, giới thiệu hàng hóa xuất khẩu trên kênh thương mại điện tử B2B Global Sources | 1.500.000.000 | Quý III, IV | Trực tuyến | Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 40/2020/TT-BCT (**) | 2020 - 2022 | Hiệp hội Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa Việt Nam |
| Tổ chức và tổ chức tham gia các hội chợ triển lãm tại nước ngoài (trực tiếp và trực tuyến) | | | | | | | |
| 56 | Tham gia Hội chợ quốc tế Biofach trên môi trường mạng | 1.248.000.000 | Tháng 2 | Trực tuyến | Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 40/2020/TT-BCT (***) | 2019-2021 | Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam |
| 57 | Tham gia Triển lãm Quốc tế hàng tiêu dùng - Phiên bản đặc biệt (The International Consumer Goods Show - Special Edition) | 1.400.000.000 | Tháng 4 | Trực tuyến | Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 40/2020/TT-BCT (***) | | Hiệp hội Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa Việt Nam |

| STT | Nội dung hoạt động | Kinh phí phê duyệt (đồng) | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT) | Giai đoạn | Đơn vị chủ trì |
|-----|---|---------------------------|-----------|-------------------------------------|--|-------------|---|
| 58 | Tham gia Hội chợ Trung Quốc - Nam Á và Hội chợ xuất nhập khẩu Côn Minh 2021 | 750.000.000 | Tháng 6 | Vân Nam (Trung Quốc) | Điều 5 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 59 | Tham gia Hội chợ Rau quả Fruit Logistica Berlin 2021 tại Đức | 913.000.000 | Quý II | Berlin (Đức)/ Trực tuyến | Điều 5, Thông tư 11/2019/TT-BCT/ Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 40/2020/TT-BCT (***) | 2019 - 2021 | Hiệp hội Rau quả Việt Nam |
| 60 | Tham gia Triển lãm quốc tế về Giấy Dẹp và nguyên phụ liệu Da Giấy tại Hoa Kỳ | 1.500.000.000 | Tháng 8 | Las Vegas (Hoa Kỳ) | Điều 5 | 2021-2023 | Hiệp hội Da - Giấy - Túi xách Việt Nam |
| 61 | Tham gia Hội chợ Magic Show 2021 | 2.000.000.000 | Tháng 8 | Las Vegas (Hoa Kỳ) | Điều 5 | | Hiệp hội Dệt may Việt Nam |
| 62 | Tham gia Hội chợ ngành đồ Gỗ Spoga 2021 | 1.200.000.000 | Tháng 9 | Cologne (Đức) | Điều 5 | | Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam |
| 63 | Tham gia Hội chợ da giấy quốc tế MICAM tại Ý | 1.200.000.000 | Tháng 9 | Milan (Ý) | Điều 5 | 2021-2023 | Hiệp hội Da - Giấy - Túi xách Việt Nam |
| 64 | Tham gia Hội chợ Thương mại ASEAN - Trung Quốc lần thứ 18 (CAEXPO 2021) | 2.735.000.000 | Tháng 9 | Nam Ninh (Trung Quốc) | Điều 5 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 65 | Tham gia Hội chợ Quốc tế về Thực phẩm và Đồ uống World Food Moscow 2021 tại Liên bang Nga | 1.600.000.000 | Tháng 9 | Moscow (Liên bang Nga) / Trực tuyến | Điều 5, Thông tư 11/2019/TT-BCT/ Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 40/2020/TT-BCT (***) | | Trung tâm Xúc tiến thương mại nông nghiệp |

| STT | Nội dung hoạt động | Kinh phí phê duyệt (đồng) | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT) | Giai đoạn | Đơn vị chủ trì |
|-----|---|---------------------------|-------------|------------------------------------|-------------------------------------|-------------|---|
| 66 | Tham gia Hội chợ Maison & Objet | 1.960.000.000 | Quý III | Paris (Pháp) | Điều 5 | | Hiệp hội Xuất khẩu hàng Thủ công mỹ nghệ Việt Nam |
| 67 | Tham gia Triển lãm Quốc tế Thủy sản Bắc Mỹ | 875.100.000 | Quý III | Boston (Hoa Kỳ) | Điều 5 | | Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam |
| 68 | Tham gia Hội chợ Rau quả Asia Fruit Logistica 2021 | 2.000.000.000 | Quý III, IV | Hong kong (Trung Quốc) / Singapore | Điều 5 | 2019 - 2023 | Hiệp hội Rau quả Việt Nam |
| 69 | Tham gia Triển lãm Di động toàn cầu khu vực Châu Mỹ (Mobile World Congress Americas 2021) | 1.500.000.000 | Tháng 10 | Los Angeles (Hoa Kỳ) | Điều 5 | | Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam |
| 70 | Tham gia Hội chợ Hàng đồng phục hãng và Bảo hộ lao động A+A kết hợp khảo sát thị trường dệt may châu Âu | 2.100.000.000 | Tháng 10 | Dusseldorf (Đức) | Điều 5 | | Hiệp hội Dệt may Việt Nam |
| 71 | Tham gia Hội chợ Quốc tế Công nghiệp Thực phẩm Anuga 2021 | 3.270.000.000 | Tháng 10 | Đức | Điều 5 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 72 | Tham gia Hội chợ nhập khẩu Quốc tế Trung Quốc 2021 | 5.000.000.000 | Tháng 11 | Thượng Hải (Trung Quốc) | Điều 5 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 73 | Tổ chức Hội chợ hàng Việt Nam tại Myanmar 2021 | 2.800.000.000 | Tháng 12 | Yangon (Myanmar) | Điều 5 | | Cục Xúc tiến thương mại |

LuatVietnam

5

| STT | Nội dung hoạt động | Kinh phí phê duyệt (đồng) | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT) | Giai đoạn | Đơn vị chủ trì |
|---|--|---------------------------|-----------|-------------------------|-------------------------------------|-----------|---|
| 74 | Tham gia Triển lãm thủy sản toàn cầu | 1.500.000.000 | Quý III | Barcelona (Tây Ban Nha) | Điều 5 | | Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam |
| 75 | Tham gia Hội chợ thực phẩm quốc tế Đài Bắc (Food Taipei 2021) | 1.200.000.000 | Năm 2021 | Đài Bắc (Đài Loan) | Điều 5 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 76 | Tham gia Hội chợ Quốc tế thực phẩm và đồ uống Private Label Show năm 2021 | 1.950.000.000 | Tháng 11 | Hoa Kỳ | Điều 5 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 77 | Tổ chức Hội chợ thương mại Việt Nam - Lào 2021 | 1.700.000.000 | Quý III | Pakse (Lào) | Điều 5 | | Trung tâm Triển lãm và Xúc tiến thương mại quân đội |
| 78 | Tổ chức Hội chợ thương mại Việt Nam năm 2021 tại Campuchia | 2.800.000.000 | Quý IV | PhnomPenh (Campuchia) | Điều 5 | | Trung tâm Triển lãm và Xúc tiến thương mại quân đội |
| Tổ chức hội chợ triển lãm chuyên ngành quốc tế tại Việt Nam đối với sản phẩm xuất khẩu | | | | | | | |
| 79 | Tổ chức Hội chợ - Triển lãm chuyên ngành cà phê năm 2021 | 800.000.000 | Quý II | Đắk Lắk | Điều 6 | | Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk |
| 80 | Tổ chức Hội chợ Nông nghiệp Quốc tế Việt Nam 2021 | 900.000.000 | Tháng 11 | Cần Thơ | Điều 6 | | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư-Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ |
| 81 | Tổ chức Hội chợ quốc tế công nghiệp Việt Nam năm 2021 | 2.000.000.000 | Quý IV | Hà Nội | Điều 6 | | Cục Xúc tiến thương mại |
| 82 | Tổ chức Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt - Trung (Lào Cai) lần thứ 21, năm 2021 | 900.000.000 | Quý IV | Lào Cai | Điều 6 | | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Lào Cai |

| STT | Nội dung hoạt động | Kinh phí phê duyệt (đồng) | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT) | Giai đoạn | Đơn vị chủ trì |
|------------------|---|---------------------------|-----------|----------------------|-------------------------------------|-----------|---|
| 83 | Tổ chức Hội chợ thương mại du lịch quốc tế Việt - Trung 2021 | 900.000.000 | Quý IV | Móng Cái, Quảng Ninh | Điều 6 | | Trung tâm Xúc tiến và phát triển công thương Quảng Ninh |
| 84 | Tổ chức Hội chợ quốc tế sản phẩm của khu vực kinh tế hợp tác, HTX năm 2021 (Coop-Expo 2021) | 900.000.000 | Quý IV | Miền Trung | Điều 6 | | Liên minh Hợp tác xã Việt Nam |
| TỔNG CỘNG | | 102.478.000.000 | | | | | |

(*): Theo Điều 9 Thông tư 11/2019/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1, Điều 1 Thông tư 40/2020/TT-BCT (Mục 4)

(**): Theo Điều 9 Thông tư 11/2019/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1, Điều 1 Thông tư 40/2020/TT-BCT (Mục 1)

(***): Theo Điều 9 Thông tư 11/2019/TT-BCT được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1, Điều 1 Thông tư 40/2020/TT-BCT (Mục 2)

Phụ lục II:
DANH MỤC ĐỀ ÁN PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH CẤP QUỐC GIA VỀ XÚC TIẾN
THƯƠNG MẠI NĂM 2021

- NỘI DUNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số **3538/QĐ-BCT**
ngày **30** tháng **12** năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| STT | Tên đề án | Kinh phí phê duyệt | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg) | ĐV chủ trì |
|---|---|--------------------|-------------|------------|-------------------------------------|--|
| Tuyên truyền quảng bá sản phẩm có thể mạnh, sản phẩm có chỉ dẫn địa lý địa phương, khu vực | | | | | | |
| 1 | Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng | 95.000.000 | Quý II, III | Trong nước | Điều 10, khoản 4 | Trung tâm Khuyến công - Xúc tiến thương mại tỉnh Kon Tum |
| 2 | Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hoá dịch vụ của Yên Bái | 95.000.000 | Quý II, III | Yên Bái | Điều 10, khoản 4 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Yên Bái |
| 3 | Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước thông qua phương tiện Truyền hình trên kênh VTV1 của Đài THVN | 1.500.000.000 | Năm 2021 | Trong nước | Điều 10, khoản 4 | Cục Xúc tiến thương mại |
| 4 | Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam phát sóng trên Đài PTTH Bắc Ninh | 200.000.000 | Năm 2021 | Bắc Ninh | Điều 10, khoản 4 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Bắc Ninh |
| 5 | Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn | 95.000.000 | Quý II | Bắc Kạn | Điều 10, Khoản 4 | Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn |

| STT | Tên đề án | Kinh phí phê duyệt | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg) | ĐV chủ trì |
|--|--|--------------------|-------------|------------------|-------------------------------------|--|
| 6 | Chuỗi hoạt động nhằm tuyên truyền quảng bá nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ đến người tiêu dùng và tổ chức chương trình Khuyến mại tập trung quốc gia | 2.000.000.000 | Quý III | Việt Nam | Điều 10, khoản 4, 6 | Cục Xúc tiến thương mại |
| 7 | Tổ chức tuyên truyền về tiêu thụ hàng hóa cho miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc trên địa bàn tỉnh Gia Lai | 50.000.000 | Quý III, IV | Thành phố Pleiku | Điều 11, khoản 7 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai |
| 8 | Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước khu vực miền núi, biên giới, hải đảo trên truyền hình năm 2021 | 600.000.000 | Năm 2021 | Trong nước | Điều 11, khoản 7 | Cục Xúc tiến thương mại |
| Đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực phát triển thị trường trong nước | | | | | | |
| 9 | Tập huấn về kỹ năng kinh doanh cho các đơn vị, doanh nghiệp tại tỉnh Hòa Bình | 50.000.000 | Quý II | Hòa Bình | Điều 10 khoản 7 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Hòa Bình |
| 10 | Tập huấn về Marketing - giải pháp hiệu quả cho doanh nghiệp vừa và nhỏ | 58.000.000 | Quý II | Hậu Giang | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Hậu Giang |
| 11 | Tập huấn ngắn hạn về Digital Marketing cho doanh nghiệp tỉnh Cà Mau | 60.000.000 | Quý II | Cà Mau | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Cà Mau |

| STT | Tên đề án | Kinh phí phê duyệt | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg) | ĐV chủ trì |
|-----|--|--------------------|-------------|-----------|-------------------------------------|---|
| 12 | Tập huấn ngắn hạn về Kinh doanh online cho doanh nghiệp tỉnh Cà Mau | 60.000.000 | Quý III | Cà Mau | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Cà Mau |
| 13 | Tập huấn xây dựng thương hiệu và kỹ năng kinh doanh tại tỉnh Đắk Lắk | 48.000.000 | Quý II | Đắk Lắk | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk |
| 14 | Tập huấn về phát triển hệ thống bán hàng | 50.000.000 | Quý III | Kon Tum | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Khuyến công - Xúc tiến thương mại tỉnh Kon Tum |
| 15 | Tập huấn về kỹ năng tổ chức trưng bày, giới thiệu hàng hoá trên sàn giao dịch thương mại điện tử | 50.000.000 | Quý II, III | Quảng Trị | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Trị |
| 16 | Tập huấn phổ biến kiến thức, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực thiết kế phát triển sản phẩm. | 50.000.000 | Quý II, III | Quảng Trị | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Trị |
| 17 | Tập huấn về kỹ năng phát triển mạng lưới bán lẻ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2021 | 50.000.000 | Quý II, III | Quảng Trị | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Trị |
| 18 | Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng phát triển thị trường cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai | 50.000.000 | Quý III | Lào Cai | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Lào Cai |

| STT | Tên đề án | Kinh phí phê duyệt | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg) | ĐV chủ trì |
|-----|---|--------------------|-------------|------------|-------------------------------------|--|
| 19 | Đào tạo, tập huấn về kỹ năng phát triển thị trường và tiêu thụ sản phẩm trên internet cho các đơn vị, doanh nghiệp tại tỉnh Lào Cai | 50.000.000 | Quý II | Lào Cai | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Lào Cai |
| 20 | Tập huấn kỹ năng phát triển thị trường, tìm đầu ra cho sản phẩm tại tỉnh Ninh Thuận | 48.000.000 | Quý II, III | Ninh Thuận | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Thuận |
| 21 | Đào tạo ngắn hạn về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong xúc tiến thương mại cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận | 48.000.000 | Quý II, III | Ninh Thuận | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Thuận |
| 22 | Đào tạo, tập huấn về phát triển thương hiệu, nhãn hiệu, kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh | 50.000.000 | Quý III | Hà Nam | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Hà Nam |
| 23 | Đào tạo, tập huấn kỹ năng kinh doanh và tiếp cận thị trường trong nước cho các hợp tác xã (3 lớp) | 200.000.000 | Quý II, III | Việt Nam | Điều 10, khoản 7 | Liên minh Hợp tác xã Việt Nam |
| 24 | Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất chế biến sản phẩm nông nghiệp tỉnh Ninh Bình | 60.000.000 | Tháng 9 | Ninh Bình | Điều 10, khoản 7 | Hội Nông dân Việt Nam |

LuatVietnam

f

| STT | Tên đề án | Kinh phí phê duyệt | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg) | ĐV chủ trì |
|---|---|--------------------|-------------|------------------------|-------------------------------------|---|
| 25 | Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất chế biến sản phẩm nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn | 60.000.000 | Tháng 8 | Bắc Kạn | Điều 10, khoản 7 | Hội Nông dân Việt Nam |
| 26 | Đào tạo tập huấn nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm của doanh nghiệp tỉnh Bắc Ninh | 50.000.000 | Quý II | Bắc Ninh | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Bắc Ninh |
| 27 | Tập huấn nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp tại thành phố Hải Phòng | 50.000.000 | Quý III | Hải Phòng | Điều 10, khoản 7 | Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Hải Phòng |
| 28 | Đào tạo kỹ năng kinh doanh, phát triển ngành dịch vụ bán lẻ Việt Nam trên nền tảng công nghệ 4.0 | 60.000.000 | Quý III | Hải Phòng / Quảng Ninh | Điều 10, Khoản 7 | Hiệp hội các nhà Bán lẻ Việt Nam |
| 29 | Đào tạo hỗ trợ nâng cao năng lực về kỹ năng xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp năm 2021 (3 khóa) | 180.000.000 | Quý III, IV | Trong nước | Điều 10, Khoản 7 | Hiệp hội Doanh nhân Tư nhân Việt Nam |
| 30 | Tập huấn kỹ năng, giải pháp đưa sản phẩm nông sản vào siêu thị, cửa hàng tiện lợi | 50.000.000 | Quý II, IV | Phú Thọ | Điều 10, Khoản 7 | Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công thương tỉnh Phú Thọ |
| 31 | Tập huấn nâng cao năng lực kỹ năng phát triển sản xuất kinh doanh | 50.000.000 | Quý III | Quảng Bình | Điều 10, Khoản 7 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Bình |
| Hội chợ vùng, hội chợ quảng bá các sản phẩm đặc sản địa phương | | | | | | |

| STT | Tên đề án | Kinh phí phê duyệt | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg) | ĐV chủ trì |
|-----|--|--------------------|-------------|-----------|-------------------------------------|---|
| 32 | Tổ chức Hội chợ OCOP khu vực Đông Nam Bộ năm 2021 | 800.000.000 | Quý III, IV | Tây Ninh | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Tây Ninh |
| 33 | Tổ chức Hội chợ Công Thương khu vực đồng bằng sông Cửu Long - Hậu Giang năm 2021 | 800.000.000 | Quý III | Hậu Giang | Điều 10, Khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Hậu Giang |
| 34 | Tổ chức Hội chợ triển lãm Công Thương khu vực đồng bằng sông Cửu Long - Vĩnh Long năm 2021 | 800.000.000 | Quý II | Vĩnh Long | Điều 10, Khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Vĩnh Long |
| 35 | Tổ chức Hội chợ Công Thương khu vực đồng bằng sông Cửu Long - Trà Vinh năm 2021 | 800.000.000 | Quý IV | Trà Vinh | Điều 10, Khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Trà Vinh |
| 36 | Tổ chức Hội chợ Thương mại khu vực Bắc Trung Bộ - Nhịp cầu Xuyên Á - Quảng Trị năm 2021 | 800.000.000 | Quý II, III | Quảng Trị | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Trị |
| 37 | Tổ chức Hội chợ thương mại nông sản, đặc sản vùng Tây Bắc - Sơn La năm 2021 | 800.000.000 | Quý III | Sơn La | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh Sơn La |
| 38 | Tổ chức Hội chợ Công Thương khu vực Tây Bắc - Yên Bái năm 2021 | 800.000.000 | Quý IV | Yên Bái | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Yên Bái |
| 39 | Tổ chức Hội chợ Đặc sản vùng miền Bình Định năm 2021 | 800.000.000 | Quý III | Bình Định | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Bình Định |

LuatVietnam

| STT | Tên đề án | Kinh phí phê duyệt | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg) | ĐV chủ trì |
|-----|--|--------------------|-------------|------------|-------------------------------------|---|
| 40 | Tổ chức Hội chợ Quốc tế Thương mại, Du lịch và Đầu tư hành lang kinh tế Đông Tây - Đà Nẵng 2021 | 800.000.000 | Tháng 8 | Đà Nẵng | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng |
| 41 | Tổ chức Hội chợ triển lãm Công nghiệp - Thương mại khu vực duyên hải Nam Trung Bộ năm 2021 tại Phú Yên | 800.000.000 | Tháng 7 | Phú Yên | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công, Xúc tiến thương mại và Tiết kiệm năng lượng tỉnh Phú Yên |
| 42 | Tổ chức Hội chợ Công Thương Quảng Ngãi năm 2021 | 800.000.000 | Quý III | Quảng Ngãi | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi |
| 43 | Tổ chức Hội chợ Thương mại - Du lịch quốc tế Nha Trang 2021 | 800.000.000 | Quý II, IV | Khánh Hòa | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Khánh Hòa |
| 44 | Tổ chức Hội chợ OCOP Quảng Ninh 2021 | 800.000.000 | Quý II, III | Quảng Ninh | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến và phát triển công thương Quảng Ninh |
| 45 | Tổ chức Hội chợ Triển lãm Công thương và sản phẩm OCOP Ninh Bình 2021 | 800.000.000 | Quý IV | Ninh Bình | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công, Xúc tiến thương mại và Phát triển cụm công nghiệp tỉnh Ninh Bình |
| 46 | Tổ chức Hội chợ sản phẩm nông sản tiêu biểu vùng đồng bằng sông Hồng năm 2021 | 800.000.000 | Quý III | Hưng Yên | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Hưng Yên |

| STT | Tên đề án | Kinh phí phê duyệt | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg) | ĐV chủ trì |
|-----|--|--------------------|-------------|-------------|-------------------------------------|---|
| 47 | Tổ chức Hội chợ triển lãm nông nghiệp - thương mại khu vực đồng bằng Bắc Bộ năm 2021 tại tỉnh Nam Định | 800.000.000 | Tháng 8 | Nam Định | Điều 10, khoản 1 | Hội Nông dân Việt Nam |
| 48 | Tổ chức Hội chợ Nông nghiệp Quốc tế đồng bằng Bắc bộ 2021 | 800.000.000 | Tháng 11 | Thái Bình | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Thái Bình |
| 49 | Tổ chức Hội chợ Công nghiệp hỗ trợ và sản phẩm OCOP khu vực đồng bằng sông Hồng - Bắc Ninh 2021 | 800.000.000 | Tháng 10 | Bắc Ninh | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Bắc Ninh |
| 50 | Tổ chức Hội chợ Công Thương khu vực Đông Bắc - Bắc Kạn năm 2021 | 800.000.000 | Quý IV | Bắc Kạn | Điều 10, Khoản 1 | Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn |
| 51 | Tổ chức Hội chợ Thương mại, Nông sản và Sản phẩm OCOP khu vực phía Bắc - Hà Nam năm 2021 | 800.000.000 | Quý IV | Hà Nam | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Hà Nam |
| 52 | Tổ chức Hội chợ Hùng Vương 2021 | 800.000.000 | Quý I, II | Phú Thọ | Điều 10, Khoản 1 | Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công thương tỉnh Phú Thọ |
| 53 | Tổ chức Hội chợ Thương mại - Du lịch gắn với Lễ hội Thành Tuyên | 800.000.000 | Quý III, IV | Tuyên Quang | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm xúc tiến đầu tư Tuyên Quang |
| 54 | Tổ chức Hội chợ Công Thương khu vực Bắc Trung Bộ - Quảng Bình 2021 | 800.000.000 | Quý II, III | Quảng Bình | Điều 10, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Bình |

| STT | Tên đề án | Kinh phí phê duyệt | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg) | ĐV chủ trì |
|--|--|--------------------|-------------|--|-------------------------------------|--|
| Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo | | | | | | |
| 55 | Tổ chức 03 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Điện Biên | 450.000.000 | Quý IV | Huyện Nậm Pồ, Huyện Mường Nhé, Huyện Tủa Chùa | Điều 11 khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Điện Biên |
| 56 | Tổ chức 03 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Hòa Bình | 450.000.000 | Quý III | Huyện Mai Châu, Huyện Tân Lạc, Huyện Đà Bắc | Điều 11 khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Hòa Bình |
| 57 | Tổ chức 03 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Lai Châu | 450.000.000 | Quý III, IV | Huyện Mường Tè, Huyện Sin Hồ, Huyện Phong Thổ | Điều 11 khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lai Châu |
| 58 | Tổ chức 01 phiên chợ hàng Việt về hải đảo và 02 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Bình Thuận | 500.000.000 | Quý II, III | Huyện đảo Phú Quý, Huyện Hàm Thuận Bắc, Huyện Bắc Bình | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến thương mại Bình Thuận |
| 59 | Tổ chức 02 phiên chợ hàng Việt về miền núi, biên giới và 01 phiên chợ hàng Việt về vùng sâu, vùng xa tỉnh Bình Phước | 450.000.000 | Quý II, III | Huyện Lộc Ninh, Huyện Bù Đốp, Huyện Bù Đăng | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh Bình Phước |
| 60 | Tổ chức 03 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Gia Lai | 450.000.000 | Quý II | Huyện Krông Pa, Thị xã Ayunpa, Huyện Phú Thiện | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai |

f

| STT | Tên đề án | Kinh phí phê duyệt | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg) | ĐV chủ trì |
|-----|---|--------------------|-------------|--|-------------------------------------|---|
| 61 | Tổ chức 02 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Kon Tum | 300.000.000 | Quý II | Huyện Ngọc Hồi, Huyện Đăk Hà | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công - Xúc tiến thương mại tỉnh Kon Tum |
| 62 | Tổ chức 03 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Lâm Đồng | 450.000.000 | Quý II | Huyện Đam Rông, Huyện Lâm Hà, Thành phố Đà Lạt | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lâm Đồng |
| 63 | Tổ chức 03 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Hà Tĩnh | 450.000.000 | Quý II, III | Huyện Vũ Quang, Huyện Cẩm Xuyên | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Hà Tĩnh |
| 64 | Tổ chức 03 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Nghệ An | 450.000.000 | Quý II, III | Huyện Thanh Chương, Huyện Con Cuông, Huyện Anh Sơn | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Nghệ An |
| 65 | Tổ chức 03 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Thanh Hóa | 450.000.000 | Quý II | Huyện Ngọc Lặc, Huyện Lang Chánh, Huyện Bá Thước | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa |
| 66 | Tổ chức 01 phiên chợ hàng Việt về nông thôn và 02 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Thừa Thiên Huế | 405.000.000 | Quý II, III | Huyện Quảng Điền, Huyện A Lưới, Huyện Nam Đông | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Thừa Thiên Huế |
| 67 | Tổ chức 03 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Đăk Nông | 450.000.000 | Quý III, IV | Huyện Đăk Mil, Huyện Đăk R' Lấp, Huyện Tuy Đức | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Đăk Nông |

LuatVietnam

| STT | Tên đề án | Kinh phí phê duyệt | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg) | ĐV chủ trì |
|-----|---|--------------------|-------------|---|-------------------------------------|---|
| 68 | Tổ chức 03 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Ninh Thuận | 450.000.000 | Quý II, III | Huyện Bác Ái, Huyện Ninh Sơn, Huyện Thuận Bắc | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Thuận |
| 69 | Tổ chức 02 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Quảng Nam | 300.000.000 | Quý II | Huyện Nam Trà My, Huyện Nông Sơn | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công, Xúc tiến thương mại và Quản lý cửa khẩu tỉnh Quảng Nam |
| 70 | Tổ chức phiên chợ hàng Việt về hải đảo tỉnh Quảng Ngãi | 200.000.000 | Quý II | Huyện đảo Lý Sơn | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi |
| 71 | Tổ chức 03 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Vĩnh Phúc | 450.000.000 | Quý III | Huyện Lập Thạch, Huyện Tam Đảo, Huyện Sông Lô | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Thông tin - Xúc tiến thương mại tỉnh Vĩnh Phúc |
| 72 | Tổ chức 02 phiên chợ hàng Việt về hải đảo thành phố Hải Phòng | 400.000.000 | Quý II | Huyện đảo Cát Hải | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Hải Phòng |
| 73 | Tổ chức 02 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Cao Bằng | 300.000.000 | Quý III, IV | Huyện Bảo Lạc, Huyện Hạ Lang | Điều 11, Khoản 1 | Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh Cao Bằng |
| 74 | Tổ chức 03 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Hà Giang | 450.000.000 | Quý II, III | Huyện Hoàng Su Phì, Huyện Bắc Quang, Huyện Bắc Mê | Điều 11, Khoản 1 | Trung tâm khuyến công và xúc tiến công thương tỉnh Hà Giang |
| 75 | Tổ chức 02 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Lạng Sơn | 300.000.000 | Quý III, IV | Huyện Đình Lập, Huyện Lộc Bình | Điều 11, Khoản 1 | Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại tỉnh Lạng Sơn |

| STT | Tên đề án | Kinh phí phê duyệt | Thời gian | Địa điểm | Nội dung hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg) | ĐV chủ trì |
|-----|---|-----------------------|-------------|--|-------------------------------------|---|
| 76 | Tổ chức 03 phiên chợ hàng Việt về miền núi tỉnh Thái Nguyên | 450.000.000 | Quý II, III | Huyện Phú Lương, Huyện Võ Nhai, Huyện Phú Bình | Điều 11, khoản 1 | Trung tâm Xúc tiến thương mại Thái Nguyên |
| | TỔNG CỘNG | 33.522.000.000 | | | | |

5

Phụ lục III:

DANH MỤC ĐỀ ÁN PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM NĂM 2021

(kèm theo Quyết định số: 3538 /QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

| STT | Tên đề án | Thời gian | Địa điểm | Kinh phí phê duyệt | Nội dung hỗ trợ (QĐ 30/2019/QĐ-TTg) | Đơn vị chủ trì |
|---|---|-----------|------------|--------------------|-------------------------------------|--|
| I. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản phẩm đáp ứng hệ thống tiêu chí Thương hiệu quốc gia Việt Nam | | | | | | |
| 1 | Đào tạo nâng cao năng lực xây dựng, phát triển thương hiệu | 2021 | Trong nước | 829.960.000 | Khoản 4 Điều 5 | Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại) |
| 2 | Nâng cao năng lực xây dựng và phát triển thương hiệu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn các tỉnh phía Bắc năm 2021 | 2021 | Trong nước | 300.000.000 | Khoản 4 Điều 5 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa phía Bắc, Cục Phát triển Doanh nghiệp) |
| 3 | Hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường tuân thủ pháp luật lao động, thực hiện trách nhiệm xã hội đạt các tiêu chí của Chương trình Thương hiệu quốc gia và bảo vệ, phát triển thương hiệu | 2021 | Trong nước | 300.000.000 | Khoản 4 Điều 5 | Bộ Lao động, Thương binh và xã hội (Vụ Pháp chế) |
| II. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu ở trong và ngoài nước | | | | | | |
| 4 | Hỗ trợ nâng cao năng lực xây dựng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ gắn với phát triển thương hiệu | 2021 | Trong nước | 300.000.000 | Khoản 5 Điều 5 | Bộ Khoa học và Công Nghệ (Cục Sở hữu trí tuệ) |
| III. Các hoạt động thông tin, truyền thông cho Chương trình ở trong và ngoài nước | | | | | | |
| 5 | Tuyên truyền, quảng bá về Chương trình Thương hiệu quốc gia và các sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia trên các phương tiện truyền thông | 2021 | Trong nước | 3.455.740.000 | Khoản 6 Điều 5 | Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại) |

| STT | Tên đề án | Thời gian | Địa điểm | Kinh phí phê duyệt | Nội dung hỗ trợ (QĐ 30/2019/QĐ-TTg) | Đơn vị chủ trì |
|---|--|-----------|------------|----------------------|-------------------------------------|---|
| 6 | Tổ chức Diễn đàn Thương hiệu Việt Nam | 2021 | Trong nước | 684.300.000 | Khoản 6 Điều 5 | Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại) |
| 7 | Xây dựng sản phẩm truyền thông về Chương trình THQG và sản phẩm đạt THQG nhằm tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông số | 2021 | Trong nước | 200.000.000 | Khoản 6 Điều 5 | Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại) |
| 8 | Tuyên truyền, quảng bá về Chương trình và các doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam thông qua "Không gian Thương hiệu quốc gia Việt Nam" trong khuôn khổ Hội nghị "Gặp gỡ Đại sứ" (Meet Ambassador) | 2021 | Trong nước | 300.000.000 | Khoản 6 Điều 5 | Bộ Ngoại giao (Cục Ngoại vụ) |
| 9 | Quảng bá thương hiệu nông sản Việt Nam tại thị trường Liên minh châu Âu (EU) trong bối cảnh Hiệp định EVFTA có hiệu lực | 2021 | EU | 300.000.000 | Khoản 6 Điều 5 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản) |
| 10 | Truyền thông quảng bá các sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam trên hệ thống thông tin cơ sở giai đoạn 2020 - 2030 | 2021 | Trong nước | 300.000.000 | Khoản 6 Điều 5 | Bộ Thông tin và Truyền thông (Vụ Công nghệ thông tin) |
| IV. Các hoạt động quản lý Chương trình THQG Việt Nam | | | | | | |
| 11 | Các hoạt động quản lý Chương trình THQG Việt Nam | 2021 | Trong nước | 30.000.000 | Khoản 2 Điều 4 | Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại) |
| | TỔNG CỘNG | | | 7.000.000.000 | | |